

No. Cancer	Indication	Schedule
	<p>Common criteria</p> <p>Khối u có khả năng đo được kích thước (tối đa là 12cm) Không có di căn rộng Không có xâm lấn khối u trong đường tiêu hóa hoặc tủy sống Tình trạng toàn thân là PS từ 0~2</p>	
1 Bone and soft tissue sarcomas	<p>Loại hình tổ chức (ví dụ) Vị trí (ví dụ) Khối u có khả năng đo được kích thước Không có kim loại như đinh vít ở vị trí chiếu xạ</p>	16 fractions for 4 weeks
2 Skull base tumor	<p>Loại hình tổ chức (ví dụ) Phần sót lại sau phẫu thuật hoặc bộ phận không thể phẫu thuật</p>	16 fractions for 4 weeks
3 Pancreatic cancer	<p>Bộ phận không thể phẫu thuật Không di căn</p> <p>Không có dịch ổ bụng Không có xâm lấn đến ống tiêu hóa</p>	12 fractions for 3 weeks Concurrent GEM or S1 is recommended if indicated
4 Liver cancer	<p>Ung thư tế bào gan</p> <p>Bệnh đơn phát Chức năng gan tiêu chuẩn A hoặc B (C không thích ứng) Không có dịch ổ bụng Khối u tái phát sau nút hóa chất động mạch gan qua catheter Ung thư ống mật trong gan có khả năng điều</p>	4 fractions for 1 weeks or 12 fractions for 3 weeks (in case of closed margin to GI tract)
5 Prostate cancer	<p>Thời kỳ lâm sàng</p> <p>Điểm Gleason được đánh giá qua xét nghiệm mô bệnh học</p> <p>Giá trị chỉ số PSA trước khi sinh thiết</p>	12 fractions for 3 weeks or 16 fractions for 4 weeks Androgen deprivation therapy is recommended according to our protocol
6 Lung cancer	<p>Ung thư phổi không tế bào nhỏ.</p> <p>Thời kỳ lâm sàng</p>	4 fractions for 1 weeks (Stag I) or 16 fractions for 4 weeks (Stage II-III)
7 Rectal cancer	<p>Tái phát sau phẫu thuật Tái phát miệng nối không thích ứng Tái phát xương chậu hoặc hệ bạch huyết Cách vài milimet với đường tiêu hóa gần nhất</p>	16 fractions for 4 weeks
8 Oligo recurrence	<p>Tái phát hạch bạch huyết mà không tái phát ở vị trí khác, di căn gan không tái phát ở vị trí khác, di căn phổi không tái phát ở vị trí khác (tái phát Oligo = tái phát chỉ ở một vị trí)</p>	4 fractions for 1 weeks or 12 fractions for 3 weeks